

## NHỊ NGUYÊN TRONG ĐẠO CAO ĐÀI Ở NAM BỘ

Huỳnh Ngọc Thu

Trường Đại học Khoa học và Nhân văn, ĐHQG-HCM

**TÓM TẮT:** Phân tích trong đạo Cao Đài về quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, thế giới quan..., chúng tôi nhận thấy nhị nguyên không phải là hai nhân tố xung đột, loại trừ nhau mà là một sự hoà quyện để tạo nên yếu tố thống nhất trong cấu trúc của sự vật, hiện tượng, của xã hội, của tôn giáo...Nhu vậy, thuyết nhị nguyên đối ngẫu được xem như là nguyên lý cơ bản dùng để giải thích sự thống nhất, hoàn chỉnh trong cấu trúc tôn giáo cả về hình thức tổ chức, lễ nghi, hệ thống chức sắc và lớn hơn nữa là toàn xã hội của tôn giáo Cao Đài. Và, đạo Cao Đài là một trong những tôn giáo ở Nam Bộ biểu hiện rõ nét yếu tố nhị nguyên giáo lý, trong tổ chức cũng như trong quá trình hình thành và phát triển của đạo.

**Từ khóa:** Cao đài, nhị nguyên, cấu trúc, xã hội, tôn giáo.

**1. Đặt vấn đề**

Nhị nguyên (dualism) là lý thuyết được nhắc đến từ rất sớm ở các quốc gia cổ đại phương Đông lẫn phương Tây. Đây là lý thuyết nói đến sự tồn tại mang tính đối lập nhị phân (co-eternal binary opposition) giữa hai hình thức của sự vật-hiện tượng, như giữa vật chất và ý thức, linh hồn và thể xác, thiện và ác, âm và dương, thần và người, trên và dưới, trong và ngoài... Vào thời cổ đại, ở phương Tây, các nhà hiền triết như Plato (sinh năm 427 Tr.CN tại Hy Lạp), Aristotle (sinh năm 384 Tr.CN tại Hy Lạp)... đều đề cập đến thuyết nhị nguyên. Plato đề cập đến thuyết nhị nguyên khi tạo ra cuộc tranh luận về sự tồn tại vĩnh cửu của linh hồn, đối nghịch với thể xác hữu hạn, và linh hồn luôn phấn đấu để rời khỏi thể xác vì nó bị cầm tù trong thể xác [30]. Triết gia Aristotle cũng có quan điểm về nhị nguyên trong cơ thể con người khi đồng ý về sự tồn tại của linh hồn

và thể xác, nhưng không cùng quan điểm với Plato, vì cho rằng linh hồn là một phần của cơ thể, là tài sản của cơ thể [29]. Khi tôn giáo ở phương Tây như Do Thái giáo, sau này là Thiên Chúa giáo ra đời, thuyết nhị nguyên được nhắc đến mạnh mẽ hơn, khi cho rằng có sự tồn tại của “thế giới bên kia” đối lập với thế giới thực tại; đặc biệt là các yếu tố đối lập được nhắc đến trong kinh Cựu ước như bầu trời và mặt đất, bóng đêm và ánh sáng; Adam và Eva, vườn địa đàng và thế giới trần gian... Tại phương Đông, thuyết nhị nguyên cũng được đề cập khi xuất hiện các nguyên lý âm-dương trong vũ trụ, và những yếu tố đối ngẫu trong xã hội như vua-tôi, cha-con, vợ-chồng,... Trong các tôn giáo-tín ngưỡng ở phương Đông cũng luôn nhấn mạnh đến thuyết nhị nguyên khi đề cập đến giải thoát và đọa đày, phước và tội, nhân và quả...

Thuyết nhị nguyên sau này đã phát triển và dần trở thành nền tảng cơ bản để các nhà khoa học về chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo... vận dụng trong công việc nghiên cứu hoặc phát triển học thuyết của mình. Trong nhân học, thuyết nhị nguyên trở thành nền tảng cơ bản cho việc hình thành và phát triển hệ thống thuyết cấu trúc bằng việc xem ý nghĩa của hiện tượng hay biểu tượng văn hóa trong mối quan hệ đối ngẫu (opposition) với những biểu tượng hay hiện tượng khác trong cuộc sống.

Bài viết của chúng tôi dựa trên nguyên lý nhị nguyên đối ngẫu của thuyết cấu trúc để trình bày các vấn đề như quá trình hình thành và phát triển, tổ chức tôn giáo, quan niệm về thế giới quan của tín đồ đạo Cao Đài ở Nam Bộ.

## 2. Sơ lược về lịch sử đạo Cao Đài

Nam Bộ là khu vực được hợp thành bởi các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Hậu Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và hai thành phố trực thuộc Trung ương là TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Đây là khu vực có diện tích trên 64.000km<sup>2</sup>, được người Việt và các cư dân khác như Khmer, Hoa, Chăm khai phá cách đây hơn 300 năm. Nam Bộ nói chung được xem là vùng đất hội tụ, giao lưu tiếp biến của nhiều yếu tố văn hóa khác nhau, do bởi sự đa dạng tộc người ở khu vực này.

Đạo Cao Đài với tên đầy đủ là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời trong bối cảnh *hội tụ, giao lưu tiếp biến* văn hóa đó. Tín đồ Cao Đài chính thức tuyên bố sự hiện diện của tôn giáo mình

trên vùng đất Nam Bộ vào năm 1926 bằng việc tổ chức *Lễ Khai đạo* vào ngày 18-19/11/1926, nhằm ngày 14-15/10 năm Bính Dần [13]. Tuy nhiên, trước đó Đạo Cao Đài đã manh nha hình hành với những sự kiện được nhắc đến trong sử đạo như [15]:

- Năm 1919, ông Ngô Văn Chiêu (tự là Minh Chiêu) đã nghe đến tên Cao Đài Tiên Ông (một chơn linh ở cõi thiêng liêng) trong buổi cầu cơ tại Tân An.

- Năm 1920, ông Ngô Văn Chiêu được Cao Đài Tiên Ông nhận làm đệ tử tại Phú Quốc.

- Năm 1921, Cao Đài Tiên Ông buộc ông Ngô Văn Chiêu ăn chay trường 3 năm và vẽ hình tượng Thiên nhân (Mắt Trời) để thờ.

- Năm 1924, ông Ngô Văn Chiêu đã truyền cách thờ đức Cao Đài Tiên Ông cho các ông Vương Quang Kỳ, Đoàn Văn Bản tại Sài Gòn.

- Năm 1925, cơ sở thờ tự và sinh hoạt đầu tiên của đạo Cao Đài được hình thành tại nhà ông Đoàn Văn Bản [12].

Cũng trong năm 1925, tại khu phố Hàng Dừa (đường Cống Quỳnh ngày nay), các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, bằng hình thức *xoay bàn* (hình thức tiếp xúc chơn linh theo nguyên tắc Thông linh học của phương Tây), đã tiếp xúc được với chơn linh ở cõi thiêng liêng tự xưng là A Ắ Ắ mà sau này, các ông biết được, đó là chơn linh của Cao Đài Tiên Ông. Sau đó, các ông Cư, Tắc, Sang cũng lập thành một nhóm, tu theo đạo Cao Đài [5].

Bằng những sự kiện tóm lược nêu trên cho thấy, trong năm 1925 tại Sài Gòn, đạo Cao Đài đã manh nha được hình thành từ hai nhóm

người riêng lẻ. Nhóm do ông Ngô Văn Chiêu khởi xướng từ Phú Quốc, sau đó truyền đạo tại Sài Gòn, và nhóm do các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang khởi xướng tại Sài Gòn.

Đến đầu năm 1926, thông qua ông Vương Quang Kỳ, nhóm của các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang đã tìm đến và hợp với nhóm của ông Ngô Văn Chiêu nhằm hình thành nên một nhóm tu Cao Đài duy nhất ở Sài Gòn và sau đó sẽ phát triển ra toàn Nam Bộ [1]. Nhưng chủ trương này sau đó không thành vì cách hành đạo và quan điểm hành đạo của hai nhóm khác nhau. Ông Chiêu theo chủ trương *nội giáo tâm truyền*, với khẩu hiệu *ngô thân bất độ hà thân độ* [15], nghĩa là khi bản thân chưa thành đạo (chưa độ được cho bản thân) thì không nên độ người khác, do đó trước hết bản thân cần cố gắng tu luyện, không nên phát triển đạo vội vã. Trái ngược với quan điểm ông Chiêu, các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Lê Văn Trung (ông Trung tham gia nhóm của các ông Cư, Tắc, Sang từ tháng 1/1926)... theo chủ trương *ngoại giáo công truyền* và với quan điểm *đạo khởi trễ một ngày sẽ hại hơn sanh một ngày* [13]. Với hai quan điểm trái ngược như vậy đã dần dần dẫn đến sự bất hòa.

Đầu tiên là việc không đồng nhất về thời điểm lập đạo. Quan điểm của ông Chiêu, phải đến năm 1933, đạo Cao Đài mới có thể thành lập, công bố thiên hạ [14]. Nhóm của các ông Cư, Tắc, Sang cố gắng truyền đạo để thu nhận tín đồ càng nhiều càng tốt và lập đạo càng sớm càng tốt. Do đó chỉ trong thời gian rất ngắn của

năm 1926, nhóm của các ông Cư, Tắc, Sang, Trung... đã lập được 5 đàn cơ ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ và thu hút được nhiều tầng lớp xã hội như quan chức, tu sĩ, địa chủ, hương hào, tá điền, thường dân... tham gia vào đạo Cao Đài [1][2][11].

Tiếp theo là sự khác nhau trong việc tiếp nhận và giải thích Thánh giáo Cao Đài. Nhóm của ông Ngô Văn Chiêu vẫn giữ đúng quan điểm của mình là tu kỹ, ít tiếp xúc với bên ngoài nên lập đàn cơ và tiếp nhận Thánh giáo của các đấng thiêng liêng riêng. Nhóm của các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Lê Văn Trung... hết lòng cho công tác truyền giáo và phát triển đạo nên cũng thiết lập đàn cơ và tiếp nhận Thánh giáo riêng. Thánh giáo của thiêng liêng được tiếp nhận từ hai đàn cơ khác nhau, nên nội dung đôi lúc mâu thuẫn lẫn nhau, nếu không muốn nói là đối nghịch nhau [12]. Từ đó dẫn đến sự nghi kỵ và đôi khi đưa đến sự xung đột về mặt tư tưởng hành đạo của hai nhóm.

Chính sự bất đồng nêu trên, hai nhóm này dần dần không còn liên lạc với nhau. Đến những tháng cuối năm 1926, việc hành đạo của hai nhóm gần như tách biệt. Nhóm của ông Ngô Văn Chiêu chú trọng khuynh hướng “tu kỹ” để luyện tâm pháp [12]. Nhóm của các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Lê Văn Trung... chú trọng đến việc phổ truyền và phát triển đạo Cao Đài ở vùng Tây Nam Bộ và một số tỉnh thuộc Đông Nam Bộ [5].

Đến cuối năm 1926, công việc phổ truyền và phát triển đạo Cao Đài của các ông Cao Quỳnh

Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Lê Văn Trung... đạt hiệu quả rất lớn. Người dân ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ nói riêng và Nam Bộ nói chung tin và theo đạo Cao Đài ngày một đông, đặc biệt là người dân ở các tỉnh Long An, Tiền Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang... Chính sự phát triển ngày một mạnh của đạo Cao Đài tại khu vực Nam Bộ đã thúc đẩy ý chí mở đạo của các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Lê Văn Trung... Ngày 29/9/1926 (nhằm ngày 23/8 năm Bính Dần), ông Lê Văn Trung triệu tập tín đồ trí thức vùng Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định tại nhà của ông Nguyễn Văn Tường ở hẻm Galliemi (nay là đường Trần Hưng Đạo) để soạn thảo Bản Khai đạo, sau đó gửi Bản Khai đạo này lên Thống đốc Nam Kỳ vào ngày 7/10/1926 (nhằm ngày mùng một tháng 9 năm Bính Dần) [4]. Hơn một tháng sau, các ông Cư, Tắc, Sang, Trung... họp nhau làm lễ khai đạo tại chùa Từ Lâm ở Tây Ninh, công bố một tôn giáo mới ra đời tại Nam Bộ.

Đạo Cao Đài do nhóm của các ông Cư, Tắc, Sang, Trung... từ đó phát triển mạnh thêm, thu hút hàng vạn tín đồ và sau đó thành lập Tòa thánh tại làng Long Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình phát triển, do sự bất đồng ý kiến và mâu thuẫn nội bộ, nên rất nhiều chức sắc trong nhóm Cao Đài này đã dần tách ra và lập nên các chi phái riêng như ông Nguyễn Hữu Chính lập nên Cao Đài Tiên Thiên tại Tiền Giang vào năm 1930. Ông Nguyễn Văn Ca lập nên Cao Đài Minh Chơn Lý tại Mỹ Tho năm 1932. Ông Trần Đạo Quang lập nên Minh Chơn Đạo năm 1934 tại Bạc Liêu. Ông Lê Bá

Trang, Nguyễn Ngọc Tương lập Ban Chính Đạo tại Bến Tre vào năm 1934. Ông Tô Bửu Tài, Trương Minh Tông lập nên Cao Đài Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý vào năm 1936...[11][26]. Hầu hết các chi phái thuộc nhóm Cao Đài của các ông Cư, Tắc, Sang, Trung... lập nên lúc ban đầu đều tồn tại và phát triển ở các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long như *Tiên Thiên* và *Minh Chơn Lý* ở Tiền Giang, *Minh Chơn Đạo* ở Cà Mau, *Ban Chính Đạo* ở Bến Tre, *Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý* ở Kiên Giang...

Nhóm Cao Đài do ông Chiêu khởi xướng, sau khi không còn liên lạc với nhóm của các ông Cư, Tắc, Sang, Trung..., vẫn tiếp tục con đường tu kỹ của mình và rất hạn chế thu nhận tín đồ. Những người mà ông Chiêu đồng ý truyền giáo đều được xem là có “căn cơ” tu hành và phải được sự đồng ý của thiêng liêng bằng hình thức xin keo [1][12]. Chính vì thế, số tín đồ Cao Đài tu theo tâm pháp do ông Chiêu hướng dẫn không nhiều và đa phần là người ở Cần Thơ. Tại Cần Thơ, tín đồ của ông Chiêu đã lập nên một Đàn Cơ, sau này có tên là Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi và xây dựng Nghĩa địa để an táng tín đồ trong đạo, có tên là Nghĩa địa Chiếu Minh. Sau năm 1954, một số tín đồ Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi muốn phát triển phương thức tu hành tâm pháp của ông Chiêu bằng cách mở rộng việc thu nhận tín đồ và cải cách phương thức thờ tự cũng như hệ thống tổ chức [16]... nên đã thành lập thành nhánh riêng và sau này có tên là Chiếu Minh Long Châu, đặt tổ đình tại tỉnh Hậu Giang.

Đạo Cao Đài hiện nay được xem là một trong những tôn giáo bản địa phát triển mạnh và có tổ chức chặt chẽ nhất so với các tôn giáo bản địa khác ở Nam Bộ. Số lượng tín đồ của các chi phái trong đạo Cao Đài khá đông, trong đó có một số chi phái lớn với số lượng tín đồ lên đến hàng chục vạn người như Minh Chơn Đạo (31.386 tín đồ), Tiên Thiên (41.523 tín đồ), Ban Chính Đạo (807.260 tín đồ)...(số liệu Ban tôn giáo Chính phủ tháng 12/2007).

### **3. Các nguyên lý nhị nguyên trong đạo Cao Đài**

#### ***3.1. Nhị nguyên trong quá trình hình thành và phát triển***

Từ những dữ kiện đã phân tích trên cho thấy, đạo Cao Đài được hình thành không phải từ một người với một đường lối thống nhất mà nó được hình thành từ hai nhóm người với hai con đường hành đạo khác nhau, hay nói đúng hơn là hai nhóm người với hai tư tưởng hành đạo đối nghịch nhau; đó là nhóm của ông Chiêu và nhóm của các ông Cư, Tắc, Sang.

Đọc lịch sử của hai nhóm này, chúng tôi nhận thấy, mặc dù có một điểm chung là cùng được đấng Cao Đài điếm hóa và thờ một đấng Cao Đài, nhưng yêu cầu của đấng Cao Đài đối với hai nhóm này hoàn toàn khác nhau. Chơn linh của đấng Cao Đài đến với ông Ngô Văn Chiêu trong một thời gian khá dài. Theo sử liệu, năm 1902, trong một đàn cơ ở chi Minh Thiện tại Thủ Dầu Một, ông Ngô Văn Chiêu đã được các đấng thiêng liêng khuyên nên tu hành để đạt chánh quả về sau. Đến năm 1919, danh xưng Cao Đài Tiên Ông xuất hiện trong đàn cơ do ông Chiêu làm pháp đàn tại Tân An và chơn

linh này đã khen ông Chiêu là người thông minh, nhưng lại không cho biết gì thêm về hai chữ Cao Đài cũng như Cao Đài Tiên Ông là ai?[12] Đến năm 1920, khi làm việc tại Hà Tiên, trong mỗi lần cầu cơ, ông Chiêu luôn được các đấng thiêng liêng như Lữ Đồng Tân, Bạch Hạc Đồng tử, Minh Nguyệt Đồng tử... khuyên ông tu hành. Sau đó, ông Chiêu chuyển ra làm việc tại Phú Quốc, trong những buổi cầu cơ tại đây, Cao Đài Tiên Ông lại xuất hiện, khuyên ông Chiêu nên bỏ tụng kinh Minh Thánh (kinh dành cho việc cúng Đức Quan Công) và làm đệ tử của Tiên ông để được dạy đạo, khuyên ông Chiêu nên ăn chay một tháng 10 ngày, sau đó tăng lên 3 năm trường chay, bỏ thờ Quan Công, vẽ Thiên nhân để thờ, và chuyên tâm tu luyện tâm pháp...[15].

Bằng những sự kiện nêu trên cho thấy, thời gian nghe, biết, tin, theo và thờ Cao Đài Tiên Ông của ông Ngô Văn Chiêu kéo dài khoảng 3 năm. Trong thời gian đó có thể xem là thời gian mà chơn linh của Cao Đài Tiên Ông luôn “ở sát” bên ông Chiêu, từng bước dẫn dắt và bắt buộc ông Chiêu theo đấng Cao Đài bằng những yêu cầu cụ thể như bỏ tụng kinh Minh Thánh, bỏ thờ Quan Công, ăn chay trường, luyện đạo, lập biểu tượng thờ... Điều này có thể thấy, vai trò của ông Chiêu đối với đạo Cao Đài rất quan trọng, nên chơn linh của Cao Đài Tiên Ông đã có những yêu cầu đặc biệt đối với ông và từng bước dẫn dắt ông theo Cao Đài trong thời gian dài nêu trên.

Đối với nhóm của các ông Cư, Tắc, Sang đến với đạo Cao Đài bằng những sự kiện gần như ngược lại với ông Chiêu. Theo sử liệu Cao Đài,

c cuối tháng 7 năm 1925, các ông Cư, Tắc, Sang tổ chức *xoay bàn* để tiếp xúc với các chơn linh, sau đó tiếp xúc được với đấng Cao Đài Tiên Ông qua danh xưng A Ẳ Ậ. Đến đêm 24/12/1925, các ông Cư, Tắc, Sang biết được danh xưng chính thức của đấng Cao Đài là *Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát* và thâu nhận các ông làm đệ tử [5].

Thời gian các ông Cư, Tắc, Sang tiếp xúc và biết chơn linh của đấng Cao Đài rất ngắn so với thời gian ông Chiêu tiếp xúc với chơn linh Cao Đài. Đọc tài liệu sử đạo trong giai đoạn này, chúng tôi nhận thấy, những yêu cầu mà chơn linh của đấng Cao Đài dành cho các ông Cư, Tắc, Sang đối với việc tu theo đạo Cao Đài không rõ ràng và cũng không khắt khe như đối với ông Chiêu; không đòi hỏi phải tịnh luyện, phải trường chay. Việc khởi xướng ăn chay là do các ông tự nguyện, *mỗi tháng ăn chay thêm 2 ngày để cho thanh tịnh khi cầu tiên* [4][5].

Như vậy có thể nói, cách thức đến với đạo Cao Đài của hai nhóm người nêu trên khác nhau. Một bên thì chơn linh của đấng Cao Đài theo dõi chặt chẽ trong thời gian dài, yêu cầu khắt khe bằng những việc làm cụ thể; bên còn lại thì đơn giản. Đến khi hành đạo, hai nhóm này cũng thực hiện theo hai con đường khác nhau. Một bên thì “kín ngoài rồi lại kín trong” [15]; bên còn lại đem chân lý phổ truyền, càng rộng rãi càng tốt.

Điều này cho thấy, ngay từ giai đoạn manh nha hình thành, đạo Cao Đài đã xuất hiện ra nguyên lý nhị nguyên đối ngẫu. Đây là vấn đề hoàn toàn khác so với các tôn giáo đã hình thành trước đó cũng như sau này. Đọc lịch sử

tôn giáo [3], chúng tôi nhận thấy, hầu như các tôn giáo trên thế giới cũng như ở Việt Nam, từ manh nha đến hình thành đều mang tính thống nhất, thống nhất về tư tưởng cũng như cách hành đạo và phát triển đạo. Các tôn giáo chỉ phân chia chi phái sau khi đấng giáo chủ, người sáng lập, người khởi xướng đã tạ thế. Lúc ấy, mỗi tín đồ sẽ đi theo lý tưởng của mình và sau đó chia tôn giáo của họ ra thành nhiều nhánh. Đạo Cao Đài lại không theo nguyên tắc này. Yếu tố nhị nguyên đã định hình khi còn thời kỳ manh nha và tính đối ngẫu xuất hiện ngay khi có danh xưng Cao Đài ở Nam Bộ. Đây chính là điều đặc biệt của đạo Cao Đài so với các tôn giáo khác trong lịch sử hình thành tôn giáo của mình.

Trong quá trình tồn tại và phát triển, tín đồ của hai nhóm Cao Đài nêu trên cũng biểu hiện hành vi tôn giáo khác nhau. Tín đồ của Chiếu Minh Tam Thanh thực hiện hành vi tôn giáo theo lối tu kỹ của ông Ngô Văn Chiêu, không tổ chức Giáo hội, không hệ thống chức sắc... Họ chỉ trường trai, tuyệt dục, hạn chế tham gia “việc đời”, chuyên tâm tu luyện tâm pháp. Còn tín đồ thuộc nhóm của các ông Cư, Tắc, Sang, Trung... lại chuyên tâm phổ độ phát triển tôn giáo, thực hiện công quả, hoàn thiện lễ nghi, chú trọng Giáo hội và phân biệt chức sắc, chức việc, đạo hữu... trong hệ thống tổ chức tôn giáo. Chính hình thức đối lập như trên, nên một số nhà nghiên cứu cũng như bản thân của nhiều tín đồ Cao Đài đều cảm nhận có sự phân tách giữa hai nhóm và họ đặt chúng thành hai tên gọi khác nhau là *vô vi* (dùng để chỉ nhóm của ông Chiêu) và *phổ độ* (dùng để chỉ nhóm của

các ông Cư, Tắc, Sang) [12][13]. Có người cho rằng, *vô vi* và *phổ độ* là hai nhóm đối lập, xung đột; nhưng cũng có ý kiến cho rằng, chúng là một “cơ thể” hoàn chỉnh của đạo Cao Đài, vì *vô vi* biểu trưng cho phần hồn, nuôi dưỡng phần hồn của cơ thể đạo; *phổ độ* là phần xác của đạo nên cần có cơ cấu tổ chức chặt chẽ để điều hành cơ thể đạo; và trong cơ thể của một tôn giáo luôn biểu hiện bởi hai thành tố là “hồn” và “xác” [1].

Nhìn chung, dù đứng trên quan điểm nào, người ta cũng dễ dàng nhận thấy đạo Cao Đài hiện nay ở Nam Bộ đang tồn tại hai bộ phận tín đồ có hành vi tôn giáo khác nhau, mặc dù cùng thờ chung một đấng Cao Đài.

### 3.2. *Nhệ nguyên trong cơ cấu tổ chức*

Cơ cấu tổ chức chính là yếu tố cơ bản giúp cho tôn giáo định hình và phát triển. Ngay từ khi đạo Cao Đài được manh nha hình thành, người ta đã thấy có một tổ chức cơ bản ra đời. Đó là sự phân chia vai trò của những người trong việc phổ truyền và phát triển tôn giáo. Trong đó, khẳng định rõ, ông Ngô Văn Chiêu là *anh Cả* của đạo; các ông Cư, Tắc, Sang, Trung... phải hiệp cùng ông Chiêu để lo mở đạo [4][7]. Như vậy, vai trò của các thành viên trong tổ chức sơ khai của đạo Cao Đài ở buổi đầu hình thành đã được chia thành hai bộ phận,

một người được xem là *anh Cả*, những người còn lại cùng một danh phận, cùng một nhiệm vụ là *lo mở đạo*. Tuy nhiên, sau đó hai nhóm không “hoà thuận”, nên vai trò “*anh cả*” của ông Chiêu không được nhắc đến. Nhóm của các ông Cư, Tắc, Sang, Trung... thực hiện công việc phổ truyền tôn giáo của mình và chú trọng đến hình thức tổ chức Giáo hội.

Tổ chức Giáo hội của nhóm các ông Cư, Tắc, Sang, Trung... được thiết lập và phát triển một cách chặt chẽ theo thời gian, với các phẩm vị từ *Đạo hữu* đến *Giáo tông* của Cửu Trùng đài, từ *Tiếp đạo, Tiếp pháp, Tiếp thế* đến *Thượng phẩm, Hộ pháp, Thượng sanh* của Hiệp Thiên đài. Các phẩm vị này được phân định quyền cai quản và nhiệm vụ khác nhau từ cao đến thấp. Như, *Chánh trị sự* là người đứng đầu một Hương đạo (tương đương với một xóm hoặc một làng); *Lễ sanh* được đứng đầu một Tộc đạo (Họ đạo, tương đương với một xã); *Giáo hữu* đứng đầu một Châu đạo (tương đương với một huyện); *Giáo sư* đứng đầu một Khâm châu đạo (tương đương với một quận hoặc tỉnh)... [7].

Điều đặc biệt trong tổ chức phẩm vị của đạo Cao Đài là hệ thống đối phẩm. Đối phẩm giữa hai cơ quan Hiệp Thiên đài và Cửu Trùng đài cũng như đối phẩm giữa thế giới trần tục với thế giới siêu nhiên (xem bảng đối phẩm).

**Bảng đối phẩm giữa thế giới trần tục với thế giới siêu nhiên**

STT	Phẩm vị ở Cửu Trùng Đài	Phẩm vị ở Hiệp Thiên Đài	Phẩm vị ở cõi thiêng liêng
1	Giáo tông	Hộ pháp	Thiên tiên
2	Chưởng pháp	Thượng phẩm /Thượng sanh	Nhơn tiên
3	Đầu sư	Thập nhị thời quân	Địa tiên
4	Phối sư		Thiên thánh
5	Giáo sư		Nhơn thánh

6	Giáo hữu		Địa thánh
7	Lễ sanh		Thiên thần
8	Chánh-Phó trị sự		Nhơn thần
9	Đạo hữu		Địa thần

[Nguyễn Văn Hồng, 2003]

Nhìn trên bảng đối phẩm, người ta dễ dàng nhận ra địa vị của tín đồ, chức sắc Cao Đài ở cõi trần sẽ tương ứng thế nào với địa vị trong cõi thiêng liêng của đạo. Ví dụ, người đang giữ phẩm vị *Đầu sư* ở Cửu Trùng đài hoặc nằm trong nhóm *Thập nhị thời quân* của Hiệp Thiên đài, thì trong cõi thiêng liêng, họ sẽ là người giữ địa vị *Địa tiên*. Đây là phẩm vị nhỏ hơn *Nhơn tiên*, nhưng cao hơn *Thiên thánh*.

Việc phân định như vậy giúp tín đồ Cao Đài dễ hình dung về địa vị và vai trò của mình trong tôn giáo cũng như trong cõi thiêng liêng mà sau này họ mất đi. Đây hoàn toàn là điều mới mẻ của đạo Cao Đài so với các tôn giáo khác và là sự đối ngẫu đặc trưng giữa địa vị trần gian với địa vị trong cõi thiêng liêng mà hệ thống tổ chức của tín đồ Cao Đài thể hiện.

Bên cạnh đó, hệ thống tổ chức của đạo Cao Đài còn mang tính đối ngẫu âm-dương, giữa nam và nữ. Đạo Cao Đài chấp nhận nữ giới trong hệ thống tổ chức tôn giáo của mình. Nữ giới giữ vai trò, phẩm vị gần như ngang bằng với nam giới. Đặc biệt trong cơ quan Cửu Trùng Đài, nam giới giữ "*cửu phẩm thần tiên*", thì nữ giới cũng chiếm đến "*thất phẩm thần tiên*", trừ hai phẩm cao nhất là *Chương pháp* và *Giáo tông*. Nữ giới không giữ hai phẩm này là do Đức Chí Tôn muốn đạo Cao Đài còn tiếp tục phát triển, theo sự giải thích sau [7]:

Thiên địa hữu âm dương, dương thanh tác sanh, âm thanh tác tử, cả Càn Khôn Thế Giới nhờ dương thanh mới bền vững; cả chúng sanh sống bởi dương quang, ngày nào mà dương quang đã tuyệt, âm khí lầy lũng, ấy là ngày Càn Khôn Thế Giới phải chịu trong hắc ám mà bị tiêu diệt. Nam ấy dương, nữ ấy âm, nếu Thầy cho nữ phái cầm quyền Giáo tông làm chủ nền Đạo thì là Thầy cho âm thắng dương, nền Đạo ắt bị tiêu tàn ám muội.

Chương pháp cũng là Giáo tông, mà còn trọng hệ hơn, là vì người thay mặt cho Hộ pháp nơi Cửu Trùng Đài. Thầy đã chẳng cho ngồi địa vị Giáo tông thì lẽ nào cho ngồi địa vị Hộ pháp con. Bởi chịu phận rủi sanh, nên cam phận thiệt thời, lẽ Thiên cơ đã định, Thầy chỉ dạy con để dạ thương yêu bệnh vực thay Thầy kéo tội nghiệp.

(Thánh ngôn hiệp tuyển, tr.235-236)

Việc đưa nữ giới vào trong tổ chức tôn giáo là yếu tố cơ bản tạo ra tính đối ngẫu của đạo Cao Đài mà các tôn giáo khác gần như không có hoặc không chú trọng. Thánh giáo của Cao Đài đề cập rất rõ việc nữ giới giữ phẩm vị trong tổ chức tôn giáo [7].

Đường-thị! Thầy giao phe nữ cho con lập thành. Chẳng phải vì đàn bà mà sớm nôi com, chiều trà cháo hoài. Phần các con truyền đạo kỳ Phổ-độ này cũng lắm nặng nề; bao nhiêu Nam tức bao nhiêu Nữ; Nam biết thành Tiên Phật, chớ Nữ lại không sao? Thầy đã nói Bạch-Ngọc-Kinh có cả Nam và Nữ, mà phần nhiều Nữ lấn quyền thế hơn Nam nhiều. Vậy con phải tuân lệnh Thầy mà lập thành Nữ phái. Nghe



và tuân, Thầy hằng ở bên con, lo chung cùng con; con chớ ngại.

(Thánh ngôn hiệp tuyên, tr.32-33)

Đây là điều mà chúng tôi cho là đặc biệt của đạo Cao Đài thuộc nhóm “phổ độ”. Đối với nhóm “vô vi”, tuy không tổ chức Giáo hội, nhưng họ cũng hình thành nên *Ban Hành lễ* và *Hội đồng điều hành pháp môn*, trong đó nữ giới vẫn có vị trí quan trọng trong hai tổ chức này.

Từ các dữ liệu phân tích trên cho thấy, cơ cấu tổ chức của đạo Cao Đài không đơn thuần là tổ chức để duy trì, điều hành và phát triển tôn giáo, mà còn biểu hiện hai yếu tố cơ bản trong nhị nguyên đối ngẫu nhằm làm rõ tính siêu thực giữa thế giới hữu hình và thế giới vô hình, giữa nam và nữ, giữa âm và dương... qua đó giúp tín đồ hiểu rõ hơn về vị trí của mình trong đạo cũng như ở cõi thiêng liêng và từng bước cảm nhận được sự bình đẳng nam-nữ trong xã hội tôn giáo Cao Đài. Đây hoàn toàn là điều khác lạ mà đạo Cao Đài đã đem đến cho cư dân Nam Bộ về cơ cấu tổ chức trong tôn giáo của mình.

### 3.3. Nhị nguyên trong thế giới quan

Khi tìm hiểu về thế giới quan của các tôn giáo khác Cao Đài, chúng tôi nhận thấy có một điểm chung là ba thế giới cùng tồn tại: *thế giới giải thoát* (thiên đường, cõi niết bàn...), *thế giới trần tục* (nơi con người sinh sống) và *thế giới đọa đày* (địa ngục, hỏa ngục) [3]. Ba thế giới được miêu tả hoàn toàn khác nhau. *Thế giới giải thoát* là nơi vĩnh hằng, chỉ tồn tại những cái đẹp, sự sung sướng; con người muốn lên được thế giới này phải dày công tu luyện,

tích đức hành thiện, kính Trời thờ Phật... *Thế giới đọa đày* là nơi giam hãm, tù đày, tối tăm; nơi có nhiều hình phạt dùng để xử những con người phạm nhiều tội ác trên trần thế. *Thế giới trần tục* là nơi con người sinh sống. Đây là nơi con người tạo nghiệp và cũng là nơi con người trả nghiệp. Hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới cũng như ở Nam Bộ đều xây dựng thế giới quan theo hình mẫu trên. Thế giới quan của đạo Cao Đài lại không theo hình mẫu này, mà chỉ có hai: *thế giới giải thoát* và *thế giới trần tục*, không còn địa ngục, vì tín đồ Cao Đài quan niệm, khi đạo Cao Đài khai mở, đây là thời kỳ đại ân xá và là kỳ ân xá cuối cùng nên Đức Chí tôn (Ngọc Hoàng Thượng đế) đã ra lệnh đóng cửa địa ngục, mở cửa Thiên đường [8][9].

Đóng Địa ngục, mở tầng thiên

Khai đường Cực lạc, dẫn miền Tây phương

(trích Kinh Giải oan)

Tín đồ Cao Đài sau khi mất, dù phước hay tội, đều được siêu thăng về Thiên đường, sau đó sẽ được Tòa tam giáo (Tòa án ở cõi thiêng liêng) luận công, xem tội và cuối cùng nhận phán quyết được siêu thăng hoặc trả báo [8]. Nếu được siêu thăng, tín đồ Cao Đài sẽ ở lại Thiên đường tiếp tục con đường tu luyện nhằm đạt được những vị trí cao hơn. Nếu phải trả báo, tín đồ Cao Đài sẽ phải đầu thai lại trần gian, có thể đầu thai thành người, nhưng cũng có thể đầu thai thành súc vật, côn trùng hoặc cây cỏ để trả nợ cho các tội lỗi đã gây ra. Tín đồ Cao Đài sẽ không xuống địa ngục, chịu những hình phạt ghê rợn như những tín đồ của các tôn giáo khác [8][9]. Đây là điều khác lạ, vượt ra ngoài mẫu số chung về thế giới quan

của các tôn giáo khác, mà đạo Cao Đài đã xây dựng nên. Thế giới quan của đạo Cao Đài chỉ có *Thiên đường* và *Trần gian*; và hai thế giới này hoàn toàn đối lập nhau; một thế giới được xem là “miền Cực lạc”, nơi dành cho những con người phúc đức, hành thiện... hoặc dành cho các bậc chân tu đã thành chánh quả...; Thế giới còn lại là một “trường thi công quả” [14] nơi con người cũng như các đấng Phật, Tiên, Thánh, Thần... giám trần “trả quả” hoặc “bồi công lập đức” để được siêu thăng [14].

Sự đối lập này là hình thức đặc trưng trong thuyết nhị nguyên đối ngẫu mà đạo Cao Đài xây dựng trong thế giới quan của mình. Ngoài ra, đạo Cao Đài còn có sự đối ngẫu đặc biệt trong cõi thiêng liêng của đạo. Đó là sự xuất hiện của đức Diêu Trì Kim Mẫu (đức Phật Mẫu), một đấng thiêng liêng có vị trí quan trọng trong Càn khôn vũ trụ.

Diêu Trì Kim Mẫu là đấng giữ phân nửa quyền lực của Đức Chí Tôn, do Đức Chí tôn tạo ra để làm chủ khí Âm quang [9].

Theo Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài, khi chưa có Trời Đất, còn trong thời kỳ Hỗn Mang hay Hồng Mông, trong vũ trụ chỉ có một chất khí hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, lặng lẽ vô vi, thanh trược hỗn hợp, nhưng vô cùng huyền diệu, gọi là Khí Hư Vô (còn gọi là Tiên Thiên Hư Vô chi Khí). Khí Hư Vô ấy lần lần ngưng kết rồi nổ ra một tiếng thật lớn, sanh ra một khối Đại Linh Quang, cũng gọi là Thái Cực, trọn lành trọn tốt, toàn tri toàn năng, thiên biến vạn hóa, vô tận vô cùng. Vũ trụ từ đây bắt đầu có một ngôi Thái Cực duy nhất, là Đại Hồn của một Đấng duy nhất được gọi là *Ngọc Hoàng Thượng Đế* mà chúng ta thường gọi là *Đức Chí Tôn*.

Đức Chí Tôn phân Thái Cực ra Lương Nghi: Dương Quang và Âm Quang. Đức Chí Tôn chương quản Khí Dương Quang, còn Khí Âm Quang chưa có ai chương quản, vì Càn khôn Vũ trụ lúc bấy giờ chỉ có một mình Đức Chí Tôn mà thôi. *Đức Chí Tôn mới hóa thân ra Đức Phật Mẫu để chương quản Khí Âm Quang*.

Vậy, nguồn gốc của *Đức Phật Mẫu* là một hóa thân đầu tiên của Đức Chí Tôn để làm chủ Khí Âm Quang, cầm phân nửa quyền lực của Đức Chí Tôn và luôn luôn tùng theo mạng lệnh của Đức Chí Tôn. (Khi Đức Chí Tôn tạo dựng ra Càn khôn Vũ trụ tới đâu thì Đức Chí Tôn tiếp tục hóa thân ra các Đấng khác để chương quản tới đó). Vũ trụ tới đây đã có 2 khối chất khí vĩ đại là Dương Quang và Âm Quang, và có 2 Đấng đầu tiên cầm quyền Càn khôn Vũ trụ là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu. Sau đó, Đức Phật Mẫu vâng lệnh Đức Chí Tôn, thân lẫn sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Âm Quang phối hợp với Dương Quang để tạo hóa ra các tầng Trời, các quả Tinh cầu và các Địa cầu, tạo thành Càn khôn Vũ trụ. Tiếp theo, Đức Phật Mẫu tạo hóa ra Vạn linh nơi cõi Thiêng liêng vô hình. (Vạn linh gồm đủ Bát hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn). Rồi Đức Phật Mẫu lại cho Vạn linh đầu kiếp xuống các Địa cầu tạo thành Vạn vật, tức là Chúng sanh. (Chúng sanh gồm: Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại).

(Cao Đài Từ điển)

Theo giải thích trên, người ta dễ dàng nhận thấy, quan điểm của Cao Đài về sự sống trên thế giới được bắt nguồn từ việc kết hợp của hai nguyên lý âm-dương (Âm quang và Dương quan), trong đó đức Diêu Trì Kim Mẫu là người trực tiếp tạo nên sự kết hợp này. Chính vì thế, tín đồ Cao Đài xem trọng đức Diêu Trì Kim Mẫu và gọi Người là “Me”, vì giữ trọng

trách tạo ra sự sống; còn Ngọc Hoàng Thượng đế (đức Chí Tôn), tín đồ gọi là “Cha”, vì người là tác nhân chính hình thành nên vũ trụ.

Sự xuất hiện của *Cha* và *Mẹ* ở cõi thiêng liêng trong đạo Cao Đài là điều rất đặc biệt; sự đặc biệt đó còn được thể hiện qua vai trò tạo tác vũ trụ, hình thành sự sống của muôn loài, vạn vật... trên trái đất; vai trò này không phải của người đàn ông (Đức Chúa Trời) mà là của người phụ nữ (đức Diêu Trì Kim Mẫu). Đàn ông là tác nhân, còn phụ nữ là người trực tiếp tạo ra sự sống. Đây chính là nguyên lý âm-dương kết hợp để hình thành nên sự sống trong thuyết nhị nguyên đối ngẫu của phương Đông mà tín đồ Cao Đài đã ứng dụng để lý giải cho thế giới quan của Cao Đài và lý giải cho việc tôn kính, thờ phụng đức Diêu Trì Kim Mẫu.

Như vậy thuyết nhị nguyên đối ngẫu đã được vận dụng để giải thích cho thế giới quan của đạo Cao Đài một cách xúc tích, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu. Điều này giúp tín đồ Cao Đài (đa phần là nông dân, có trình độ học vấn không cao) cảm thấy không quá khó khăn khi tìm hiểu giáo lý của đạo.

#### 4. Kết luận

Thuyết nhị nguyên không chỉ là nền tảng cơ bản được vận dụng để giải thích các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên cũng như ngoài xã hội mà còn là cơ sở để một số lý thuyết gia vận dụng xây dựng học thuyết cho mình. Cấu trúc luận là hệ thống lý thuyết quan trọng được dùng để giải thích sự thống nhất hoặc đối lập trong cấu trúc xã hội cũng như trong tôn giáo, văn hóa của các tộc người; trong đó nhấn mạnh đến yếu tố nhị nguyên đối lập như xa-gần, trên-

dưới, trong-ngoài... và chính nhị nguyên đối lập này là tác nhân chính tạo ra cấu trúc xã hội, cấu trúc tôn giáo, cấu trúc văn hóa...

Qua các dữ liệu đã được phân tích trong đạo Cao Đài về quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức, thế giới quan..., chúng tôi nhận thấy nhị nguyên không phải là hai nhân tố xung đột, loại trừ nhau mà là sự hoà quyện để tạo nên yếu tố thống nhất trong cấu trúc của sự vật, hiện tượng, của xã hội, của tôn giáo...

Khi nói đến đạo Cao Đài, người ta không chỉ đề cập đến nhóm “Cao Đài phổ độ” mà còn đề ý đến “Cao Đài vô vi”; trong “Cao Đài phổ độ” cũng tồn tại hai hình thức đối ngẫu là “vô vi” (hình thức mà các vị chức sắc cao cấp tu tâm, luyện đạo) và “phổ độ” (hình thức phổ truyền tôn giáo); trong “Cao Đài vô vi” cũng xuất hiện hai hình thức ấy; yếu tố phổ độ trong “Cao Đài vô vi” tuy không “ồn ào, náo nhiệt”, nhưng nó vẫn diễn ra để thu hút và lựa chọn tín đồ. Chính hai yếu tố đối ngẫu ấy kết hợp với nhau đã tạo nên “hình thể thống nhất” của đạo Cao Đài nói chung và của các nhóm Cao Đài nói riêng.

Trong cơ cấu tổ chức của đạo Cao Đài, yếu tố đối ngẫu giữa nam-nữ; giữa địa vị trần tục và địa vị ở cõi thiêng liêng, giữa cơ quan Cửu Trùng đài và cơ quan Hiệp Thiên đài... là một sự kết hợp hoàn chỉnh, thống nhất, giúp tín đồ trong đạo cảm nhận được sự chặt chẽ, rõ ràng về vị trí và vai trò của mình trong cơ cấu tổ chức tôn giáo tại trần thế cũng như ở cõi thiêng liêng.

Việc giải thích về thế giới quan, giữa trần gian và thiên đường, giữa âm và dương, giữa

cha và mẹ... cũng là một sự kết hợp hoàn chỉnh trong cấu trúc thế giới quan của đạo Cao Đài.

Như vậy, thuyết nhị nguyên đối ngẫu được xem là nguyên lý cơ bản dùng để giải thích sự thống nhất, hoàn chỉnh trong cấu trúc tôn giáo cả về hình thức tổ chức, lễ nghi, hệ thống chức

sắc và lớn hơn nữa là toàn xã hội của tôn giáo Cao Đài. Đạo Cao Đài là tôn giáo ở Nam Bộ biểu hiện rõ nét thuyết nhị nguyên trong giáo lý, trong tổ chức cũng như trong quá trình hình thành và phát triển của đạo.

## DUALISM IN CAODAIISM IN SOUTHERN VIETNAM

Huynh Ngoc Thu

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

**ABSTRACT:** *In considering Caodaism in terms of its establishment and development, organizing structure, and cosmology, we discover that dualism is not a conflicting and eliminating binary factor; rather it is an integration to create the solidarity in the structure of facts and phenomena in society and religion. In short, binary opposition is considered as a principle to explain solidarity, completeness in religious structure in terms of organizing forms, rituals, religious priesthood and in general the whole social structure of Caodaism. Caodaism as one of the religions in Southern Vietnam expresses clearly the dualism in its doctrine, in organization as well as in its establishment and development.*

**Keyword:** *Caodaism, dualism, structure, society, religion.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Cơ quan phổ thông giáo Lý. *Lịch sử đạo Cao Đài (quyển 1) – Khai đạo, từ khởi nguyên đến khai minh*, NXB Tôn giáo. (2005).
- [2]. Lê Anh Dũng. *Lịch sử đạo Cao Đài – thời kỳ tiềm ẩn (1920 – 1926*. NXB Thuận Hóa, (1996).
- [3]. Mai Thanh Hải. *Tôn giáo thế giới và Việt Nam*, NXB CAND, (1988).
- [4]. Nguyễn Trung Hậu. *Đạo Đạo căn nguyên*, tài liệu lưu giữ tại Tòa Thánh Tây Ninh, <http://www.personal.usyd.edu.au/~cdao/books/v>, (1930).
- [5]. Hương Hiếu. *Đạo sử*, quyển 1 và 2, Hội Thánh Tòa Thánh Tây Ninh giữ bản quyền, Thánh Thất Tộc Đạo Westminster CA – USA ấn hành năm Ất Hợi, (1995).
- [6]. Hội thánh Truyền giáo Cao Đài. 1995a. *Kinh tận độ*,
- [7]. Hội thánh Truyền giáo Cao Đài. 1995b. *Thánh ngôn hiệp tuyển, Pháp chánh truyền, Tân luật*
- [8]. Nguyễn Văn Hồng. *Giải nghĩa kinh thiên đạo & thế đạo*, xuất bản lần thứ nhứt tại

- Hoa Kỳ, <http://www.caodaism.org/home.htm>, (2000).
- [9]. Nguyễn Văn Hồng. *Cao đài từ điển (giáo lý - triết lý - danh nhân thành ngữ - điển tích)*, tác giả giữ bản quyền, <http://www.caodaism.org/home.htm>, (2003).
- [10]. Huệ Lương. *Đại đạo tam kỳ phổ độ (Cao Đài giáo) – Sơ giản*, S, <http://www.personal.usyd.edu.au/~cdao/booksv>, (1963).
- [11]. Trần Văn Rạng. *Đại đạo sử cương*, quyển 1, 2, 3, 4, <http://www.personal.usyd.edu.au/~cdao/booksv>, (1970).
- [12]. Đồng Tân. *Lịch sử Cao Đài – phần vô vi*, Cao Hiến xuất bản. (1967).
- [13]. Đồng Tân. *Lịch sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ – Phần Phổ Độ*, Cao Hiến, Sài Gòn. (1972).
- [14]. Tòa Thánh Tây Ninh. *Thánh ngôn hiệp tuyển*, quyển 1, (1973).
- [15]. Tổ Đình Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, *Lịch sử Quan phủ Ngô Minh Chiêu*, Cần Thơ tái bản. (2003).
- [16]. Nguyễn Thanh Xuân. *Quá trình hình thành và phát triển đạo Cao Đài từ năm 1926 đến năm 1975*, luận án Tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Hà Nội. (2004).
- [17]. Armstrong, D. M. *A Materialist Theory of the Mind*, Routledge and Kegan Paul, ch. 2. (1968).
- [18]. Blagov, Sergei. *Caodaism: Global Ambition vs Persecution*. A paper presented at CESNUR 99 conference, Bryn Athyn, Pennsylvania. [http://www.cesnur.org/testi/bryn/br\\_blagov.htm](http://www.cesnur.org/testi/bryn/br_blagov.htm), (1999).
- [19]. Blagov, Sergei. *Caodaism: Vietnamese traditionalism and its leap into modernity*. Huntington, N. Y.: Nova Science Publishers. (2001).
- [20]. Ducasse, C. 'In defence of dualism', in S. Hook (ed.) *Dimensions of Mind*, Collier, New York, 85-9. (1961).
- [21]. Foster, J. 'A defence of dualism', in J. Smythies and J. Beloff, (eds), *The Case for Dualism*, University of Virginia Press. (1989).
- [22]. Gobron, Gabriel. *History and Philosophy of Caodaism: Reformed Buddhism, Vietnamese Spiritism, new religion in Eurasia* /translated from French to English by Pham, Xuan Thai. Tu-Hai: Saigon, Vietnam. (1950).
- [23]. Hart, W. D. 'Dualism', in S. Guttenplan (ed.), *A Companion to the Philosophy of Mind*, Blackwell, 265-7. (1994).
- [24]. Hartney, Chris. *A strange peace: Dao Cao Dai and its manifestation in Sydney*. Thesis (Ph. D.)--Dept. of Studies in Religion, Faculty of Arts, University of Sydney, (2004).
- [25]. Nussbaum, M. C. 'Aristotelian dualism', *Oxford Studies in Ancient Philosophy*, 2, 197-207. (1984).
- [26]. Oliver, Victor L. *Caodaism: a Vietnamese example of sectarian development*, Ph. D. thesis, Syracuse University. (1972).

- [27]. Oliver, Victor L. *Caodaiism: a Vietnamese socio-religious movement*. [Essay] Dynamic religious movements. Grand Rapids: Baker Book House, 1978. 273-296, (1974).
- [28]. Oliver, Victor L. *Caodai spiritism: a study of religion in Vietnamese society/* pref. by Pierre Rondot. Leiden: Brill. (1976).
- [29]. Robinson, H. 'Aristotelian dualism', *Oxford Studies in Ancient Philosophy* 1, 123-44. (1983).
- [30]. Robinson, H. 'Dualism', in S. Stich and T. Warfield (eds) *The Blackwell Guide to Philosophy of Mind*, Blackwell, Oxford, 85-101.(2003).
- [31]. Werner, S. Jayne. *The Cao Đài: The Politics of a Vietnamese Syncretic Religious Movement*, part 1, A Thesis Presented to the Faculty of the Graduate School of Cornell University for the Degree of Doctor of Philosophy. (1974).
- [32]. Werner, S. Jayne. *Peasant Politics and Religious Sectarianism: Peasant and priest in the Cao Dai in Viet Nam*, Monograph Series No. 23 Yale University Southeast Asian Studies. (1981).